

Bản án số 23/2018/HSST
Ngày 16 tháng 4 năm 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH
- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phi.
Các hội thẩm nhân dân:

Ông **Đinh Công Hiến.**
Ông **Đinh Duy Quyết.**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Hứa Công Nguyên** - là
Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa:
ông **Vũ Văn Diệu** - Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/HSST ngày 12/3/2018, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm
2018, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Bùi Ngọc L**, sinh năm 1991; tại xã G, huyện G, tỉnh N; Trú tại: Thôn
P, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: Lớp
9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam;
con ông Bùi Văn L và bà Trần Thị L; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự:
Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/12/2017 đến ngày 03/01/2018, được thay
đổi biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Đinh Văn Ngh** sinh năm: 1984. Tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại:
Thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn
hóa: Lớp 12/12; giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh ;Tôn
giáo: Không; Con ông **Đinh Văn G** và bà **Lê Thị B**; Vợ: **Phạm Thị D** - Sinh
năm 1992. Con: Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 28/12/2017, đến ngày 03/01/2018 được áp
dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Bị cáo có mặt tại phiên
tòa.

3. Bị cáo: **Đinh Trọng M**, sinh năm: 1980. Tại: xã G, huyện G, tỉnh N. Trú tại:
Thôn G, xã G, huyện G, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hóa: Lớp
12/12; giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Con ông: **Đinh Trọng M** và bà **Nguyễn Thị D**. Vợ: **Phan Thị V**. Con: Có 02 con,
lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 28/12/2017, đến ngày 03/01/2018 được áp dụng
biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*".

4. Bị cáo: **Phan Đức Ch**, sinh năm :1977. Tại xã G, huyện G, tỉnh N. Trú tại: Thôn A, xã G, huyện G, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị V; Vợ Bùi Thị H. Có 3 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2010. Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 13/10/2017, bị Toà án nhân dân huyện GV xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 28/12/2017, đến ngày 03/01/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N; Đến ngày 12/02/2018 thay thế biện pháp “Tạm giam” bằng biện pháp “Bảo lĩnh” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo: **Bùi Thành Đ**, sinh năm: 1990 tại xã G, huyện G, tỉnh N. Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị L; Vợ: Nguyễn Thị Thu Nh: Có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 28/12/2017, đến ngày 03/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo: **Lê Văn T**, sinh năm: 1979. Tại xã ThV, huyện Th, tỉnh Th. Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 07/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.con ông: Lê Văn T và bà Bùi Thị T; vợ Lê Thị M. Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 28/12/2017, đến ngày 03/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo: **Lê Văn H**, sinh năm: 1979. Nơi sinh: xã G, huyện G, tỉnh N. Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Lê Văn T và bà Hoàng Thị X; Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1985.Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 28/12/2017, đến ngày 03/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28/12/2017, Bùi Ngọc L và Đinh Văn Ngh ăn cỗ cưới ở nhà bà Cao Thị L, sinh năm 1955, trú tại thôn Đ, huyện G. Sau khi ăn xong L và Ngh sang nhà anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 ở cùng thôn Đ ngồi chơi uống nước, thấy tại phòng khách nhà anh H chiếu đã trải sẵn, dưới nền nhà có 01 bộ bài tú lơ khơ nên L rủ Ngh đánh bạc bằng hình thức đánh “ba cây” được thua bằng tiền; Ngh đồng ý, thống nhất mức chơi mỗi ván thấp nhất 50.000 đồng/ván, cao nhất không giới hạn. Sau khi chơi được khoảng 5 phút thì Phan Đức Ch, Đinh Trọng M, Bùi Thành Đ

cùng ngồi tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh “*ba cây*” cùng L và Ngh tại phòng khách nhà anh H. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn T và Lê Văn H đến nhà anh H ngồi chơi, Đinh Trọng M thấy ở góc nhà anh H có 01 chiếc bát xứ úp vào chiếc đĩa xứ, bên trong bát có 04 quân bài hình tròn, M cầm ra bỏ trên chiếu. Thấy vậy, Lê Văn H cầm đĩa và bát nói “*thôi đánh xóc đĩa cho vui*” – ý rủ đánh bạc bằng hình thức đánh “*xóc đĩa*” được thua bằng tiền, Ch, L, M, Ngh, T, Đ đồng ý. H cầm cái và thống nhất mức chơi thấp nhất 50.000 đồng/ván, mức chơi cao nhất không giới hạn. Khoảng 14 giờ cùng ngày, trong khi H, Ch, L, M, Ngh, T và Đ đang tham gia đánh bạc thì bị tổ công tác của phòng PC 45 Công an tỉnh Ninh Bình phát hiện và bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 32.130.000 đồng, 01 bát xứ màu trắng, 01 đĩa xứ màu trắng, 04 quân bài hình tròn, 01 chiếu cói (loại chiếu đôi) đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 28/12/2017, Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Lê Văn H, Đinh Trọng M, Phan Đức Ch, Bùi Thành Đ và Lê Văn T đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi “*xóc đĩa*” được thua bằng tiền, với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 32.130.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKS-GV ngày 09/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Lê Văn H, Đinh Trọng M, Phan Đức Ch, Bùi Thành Đ và Lê Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn để xét xử về tội “**Đánh bạc**”, theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Lê Văn H, Đinh Trọng M, Phan Đức Ch, Bùi Thành Đ và Lê Văn T phạm tội “**Đánh bạc**”; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm g (*tái phạm*) khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phan Đức Ch từ 03 đến 06 tháng tù (trừ đi 1 tháng 17 ngày tạm giữ, tạm giam), còn phải chấp hành 1 tháng 13 ngày đến 4 tháng 13 ngày tù. Áp dụng khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt 9 tháng tù về tội “**Đánh bạc**”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2017/HSST ngày 13/10/2017, của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Buộc bị cáo **Phan Đức Ch** phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án từ 10 tháng 13 ngày đến 13 tháng 13 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung đối với Phan Đức Ch từ 5 đến 7 triệu đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh từ 18 đến 24 tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, tính từ

ngày Ủy ban nhân dân xã Gia H, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H, Đinh Trọng M từ 15 đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thành Đ, Lê Văn T mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Khấu trừ thời gian 7 ngày tạm giữ = 21 ngày cải tạo không giam giữ đối với Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Đinh Trọng M, Bùi Thành Đ, Lê Văn T, Lê Văn H.

Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Đinh Trọng M, Bùi Thành Đ, Lê Văn T, Lê Văn H tương đương 275.000^d đến 412.500^d/1 tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành án.

Giao các bị cáo Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Lê Văn H, Đinh Trọng M, Bùi Thành Đ và Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo trong thời gian cải tạo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 32.130.000 đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát xứ, 01 đĩa xứ, 04 quân bài hình tròn, 01 chiếu cói.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh N, Điều tra viên - Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp

với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Lê Văn H, Đinh Trọng M, Phan Đức Ch, Bùi Thành Đ và Lê Văn T "*đánh xóc đĩa*" được thua bằng tiền với số tiền sử dụng vào việc đánh xóc đĩa ngày 28/12/2017 là 32.130.000 đồng, đã phạm tội "Đánh bạc" - quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Lê Văn H, Đinh Trọng M, Phan Đức Ch, Bùi Thành Đ và Lê Văn T, ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ.

Đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, nó cũng là nguyên nhân gây nên các loại tội phạm khác. Các bị cáo đã thành niên, có gia đình vợ con, nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện mà lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, cần phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, để cá thể hoá về hình phạt cần phải xác định vai trò, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm của từng bị cáo. Đối với Bùi Ngọc L là người khởi x- ống, chủ động rủ rê bị cáo Ngh, bản thân bị cáo tích cực thực hiện hành vi đánh bạc cùng đồng phạm cho đến khi bị bắt. Đối với Đinh Văn Ngh là người tích cực tham gia đánh bạc cùng L khi được L rủ chơi bạc bằng hình thức chơi ba cây và khi được Lê Văn H rủ chuyển hình thức chơi " Xóc đĩa" đều tham gia tích cực, do đó Bùi Văn L, Đinh Văn Ngh giữ vai trò đầu trong vụ án.

Đối với Phan Đức Ch, Đinh Trọng M, Bùi Thành Đ, Lê Văn T, Lê Văn H đều là những ng- ời thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do vậy, các bị cáo này lần l- ợt xếp vai trò sau cùng trong vụ án. Đối với Lê Văn H đến sau cùng Mạnh nhưng H là người cầm cái nên H phải chịu mức hình phạt phù hợp với hành vi mà bị cáo thực hiện.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với Phan Đức Ch; tại bản án số 67/2017/HSST ngày 13/10/2017 của TAND huyện G, tỉnh N xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày 13/10/2017, về tội "Đánh bạc". Trong khi đang chấp hành thời gian thử thách bị cáo lại phạm tội. Đây là tr- ờng hợp tái phạm nên bị cáo Phan Đức Ch phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, với tình tiết tăng nặng "*tái phạm*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật

Hình sự năm 1999. Các bị cáo còn lại trong vụ án không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; bị cáo Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Lê Văn H, Đinh Trọng M, Bùi Thành Đ và Lê Văn T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo (riêng bị cáo Phan Đức Ch không được áp dụng điểm h khoản 1, chỉ được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

[5]. Về nhân thân: Bị cáo Phan Đức Ch đang đ- ợc h- ởng án treo, bản án hình sự sơ thẩm số 67/2017/HSST ngày 13/10/2017 của TAND huyện G, tỉnh N xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, nay phạm tội mới trong thời gian thử thách. Do vậy, bị cáo Ch phải chấp hành hình phạt của bản án tr- ớc và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 51, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo Phan Đức Ch ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, t- ơng xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Đối với các bị cáo khác trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo th- ờng trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng theo biên bản xác minh thu nhập đối với từng bị cáo, theo quy định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo Phan Đức Ch là người đang chấp hành hình phạt án treo, lại phạm tội, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Phan Đức Ch.

[8]. Về xử lý tài sản tạm giữ và vật chứng: Quá trình điều tra, cũng nh- tại phiên Tòa đã xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 32.130.000 đồng. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà n- ớc.

Đối với 01 chiếc bát xứ, 01 đĩa xứ, 04 quân bài hình tròn, 01 chiếu cói thu giữ tại chiếu bạc, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị, không xác định chủ sở hữu, cần tịch thu tiêu huỷ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Trong vụ án này có anh Nguyễn Văn H là chủ nhà, quá trình các bị cáo tham gia đánh bạc tại nhà, anh H say rượu, ngủ nên không biết việc các bị cáo sử dụng nhà mình để đánh bạc, nên không có căn cứ để xử lý đối với anh H.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Lê Văn H, Đinh Trọng M, Phan Đức Ch, Bùi Thành Đ và Lê Văn T phạm tội "**Đánh bạc**".

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm g (*tái phạm*) khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo **Phan Đức Ch** 3 tháng tù (được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam 47 ngày từ ngày 28/12/2017 đến 12/02/2018). Áp dụng khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt 9 tháng tù, cho h-ởng án treo về tội “Đánh bạc”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 67/2017/HSST ngày 13/10/2017, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N. Buộc bị cáo **Phan Đức Ch** phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 10 (mười) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung 5.000.000^d (Năm triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo **Bùi Ngọc L** 18 (Mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, (được trừ 7 ngày tạm giữ = 21 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 17 tháng 9 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập/ tháng đối với bị cáo trong thời gian 18(mười tám) tháng cải tạo để sung ngân sách Nhà nước (mỗi tháng 275.000^d).

- Xử phạt bị cáo **Đinh Văn Ngh** 18 (Mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, (được trừ 7 ngày tạm giữ = 21 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 17 tháng 9 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập/ tháng đối với bị cáo trong thời gian 18 (mười tám) tháng cải tạo để sung ngân sách Nhà nước (mỗi tháng 275.000^d).

- Xử phạt bị cáo **Đinh Trọng M** 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ 7 ngày tạm giữ = 21 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 9 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập/ tháng đối với bị cáo trong thời gian 15 (mười lăm) tháng cải tạo để sung ngân sách Nhà nước (mỗi tháng 275.000^d).

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ 7 ngày tạm giữ = 21 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian

chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 9 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập/ tháng đối với bị cáo trong thời gian 15(mười lăm) tháng cải tạo để sung ngân sách Nhà nước (mỗi tháng 275.000^d).

- Xử phạt bị cáo **Bùi Thành Đ** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ,(được trừ 7 ngày tạm giữ = 21 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 9 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập/ tháng đối với bị cáo trong thời gian 12 (mười hai) cải tạo để sung ngân sách Nhà nước (mỗi tháng 275.000^d).

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ,(được trừ 7 ngày tạm giữ = 21 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 9 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập/ tháng đối với bị cáo trong thời gian 12 (mười hai) cải tạo để sung ngân sách Nhà nước (mỗi tháng 275.000^d).

Giao các bị cáo Bùi Ngọc L, Đinh Văn Ngh, Lê Văn H, Đinh Trọng M, Bùi Thành Đ và Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh N và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời gian cải tạo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 32.130.000 đồng. Số tiền trên đang ở tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện G (Số tài khoản 394901054950.00000 tại Kho bạc nhà nước, huyện G)

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát xứ, 01 đĩa xứ, 04 quân bài hình tròn, 01 chiếu cói, là công cụ dùng vào việc phạm tội (đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục thi hành án dân sự huyện G;

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo; Ng- ời có QLNVLQ;
- L- u hồ sơ, văn phòng;

(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phi